Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ – Social Sciences & Humanities 2024, 8(4):2714-2725

Open Access Full Text Article

Bài nghiên cứu

"Tinh thần nhắm và mở mắt" – một thử nghiệm đọc khái niệm Tinh thần trong *Hiện tượng học tinh thần* của Hegel

Nguyễn Nho Minh Uyên*

TÓM TẮT

Triết học Hegel vốn được xem là khó hiểu với lối văn tự dài dòng, trừu tượng, nhiều móc nối phức tạp. Bài báo này đề xuất một thử nghiệm đọc khái niệm Tinh thần của Hegel bằng cách mường tượng Tinh thần như một nhân vật văn học trong tác phẩm "văn học" *Hiện tượng học tinh thần*. Trong tác phẩm này, Hegel nhiều lần miêu tả hình ảnh Tinh thần an tĩnh chìm trong đêm tối và Tinh thần bước chân ra hiện thực tràn ngập ánh sáng ban ngày. Mượn biểu tượng Phật Thích-ca nhắm mắt suy ngẫm an tĩnh và Chúa Jesus mở mắt vững quyết – với hai quan niệm tôn giáo tách biệt nhau: một bên cầu an và giải thoát đau khổ, một bên hy sinh và chịu đựng đau khổ – trên nền tảng về ảnh hưởng của hai học thuyết đến triết học Hegel; đồng thời với việc lấy ra từ lối viết hình tượng, mộng tưởng của Hegel những miêu tả sống động về Tinh thần, bài báo đặt tên Tinh thần trong cặp trạng thái đối ảnh là Tinh thần nhắm và mở mắt. Trong chuỗi vô tận các hành vi nhắm và mở đôi mắt mình, Tinh thần đã đạt được vô số cái biết khác nhau về đêm tối yên tĩnh và ánh sáng hiện thực, hay nói như Hegel, về nhất thể tự-mình và đa thể cho-mình, tương ứng với mục (A) "Ý thức" và (B) "Tự ý thức" trong tác phẩm *Hiện tượng học tinh thần* của Hegel.

Từ khoá: Hegel, Hiện tượng học tinh thần, Ý thức, Tự-ý thức, Tinh thần nhắm và mở mắt

MỞ ĐẦU

Hegel đặt vấn đề về "cộng đồng thú vật mang tính tinh thần" để nêu lên mối nguy hại của việc tri thức trở thành sở hữu riêng của một nhóm trí thức – một cộng đồng thú vật cặm cụi với chiếc kính lúp trong vương quốc tinh thần biệt lập với xã hội của mình. Theo Hegel, sự sở hữu tri thức như là "vật sở hữu bí truyền (...) dành cho một số ít cá nhân" chỉ là tạm thời do khái niệm chưa được triển khai thành các hình tượng dễ hiểu mà "chỉ mới hiện diện trong Khái niệm [sơ khởi, trừu tượng] hay chỉ mới hiện diện trong cái Bên trong của nó thôi" ([1], tr. 23-24). Ông khẳng định tri thức sẽ và phải được "công truyền" (exoterisch) hay phổ cập ra đại chúng, bằng con đường hình tượng hóa hay giác tính hóa: "Thông qua giác tính (Verstand) để đi đến cái biết-lý tính [Tri thức thuần lý của lý tính] (vernünftiges Wissen) là đòi hỏi chính đáng của ý thức đang đi đến với Khoa học" ([1], tr. 24). Cũng thế, việc hình tượng hóa khái niệm triết học để làm cho nó trở thành cái dễ hiểu, có thể được công truyền ra cho mọi người là công việc chính đáng nhằm giúp cho mọi người đạt được tri thức triết học:

"Hình thức 'dễ hiểu' (verständige Form) của Khoa học là con đường của Khoa học mở ra cho tất cả mọi người và cũng là con đường đã được làm cho bằng phẳng để mọi người đều đến được với Khoa học" ([1], tr. 24).

Trên tinh thần công truyền ấy, mục tiêu của bài báo là để xuất cách đọc *Hiện tượng học tinh thần* của Hegel, vốn được viết với một phong cách giàu hình tượng văn học, như tiếp cận một tài liệu văn học để làm cho khái niệm Tinh thần trở thành nhân vật sống động và dễ hiểu. Tuy nhiên, nhân vật Tinh thần này khác với những nhân vật văn học thông thường ở chỗ nó thiên vị đặc điểm phổ cập, vĩ mô hơn đặc điểm cá biệt, riêng lẻ, bởi Hegel đã xây dựng nhân vật Tinh thần này với tham vọng bao chứa được trong nó tất cả lý giải cho những nhân vật văn học thông thường khác nói riêng và mọi lĩnh vực trong cuộc sống nói chung. Mục đích của bài viết trong việc văn học hóa một tác phẩm triết học và nhân vật hóa một khái niệm triết học thật ra là rất giản dị, chỉ nhằm để mở ra một chiều kích tiếp nhận Hegel thông qua con đường tư duy hình tượng của văn học, bằng cách tận dụng đọc kĩ các diễn đạt giàu miêu tả và so sánh của Hegel trong quyển *Hiện tượng học tinh thần*.

Ở nước ngoài, những học giả tên tuổi theo trường phái Hegel trải dài từ đầu thế kỉ XX như Alexandre Kojève, Theodor Adorno, Henry Harris, Frederick Beiser đến các học giả đương đại như Terry Pinkard và Slavoj Žižek đã đưa ra những diễn dịch thông minh và sâu sắc về *Hiện tượng học tinh thần* [2–7]. Ở Việt Nam, công trình dịch *Hiện tượng học tinh thần* cùng với các phần "Chú giải dẫn nhập" trong tác phẩm dịch này

Sinh viên khoa Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Nguyễn Nho Minh Uyên, Sinh viên khoa Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: nguyennhominhuyen@gmail.com

Lịch sử

- Ngày nhận: 27/3/2024
- Ngày sửa đổi: 19/11/2024
- Ngày chấp nhận: 30/12/2024
- Ngày đăng: 31/12/2024

DOI :

https://doi.org/10.32508/stdjssh.v8i4.1002

Check for updates

Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

VNUHCM PRESS

Trích dẫn bài báo này: Uyên N N M. **"Tinh thần nhắm và mở mắt" – một thử nghiệm đọc khái niệm Tinh thần trong *Hiện tượng học tinh thần* của Hegel**. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2024; 8(4):2714-2725.

của Bùi Văn Nam Sơn đã trình bày vừa sâu sát vừa sáng sủa hệ thống luận điểm của Hegel ẩn sau văn phong khó hiểu của ông[1]. Nguyễn Hữu Liêm góp thêm tiếng nói tranh biện với các nhà Hegel học trên thế giới trong luận án tiến sĩ triết học *Re-visioning The End of History*[8]. Trong bầu không khí học thuật giàu có và sôi nổi ấy, bài báo chỉ bổ sung một mường tượng giản đơn về Tinh thần nhằm góp phần tạo hình khái niệm này.

Bài báo xây dựng hình dung về Tinh thần nhằm và mở mắt dựa trên sức ảnh hưởng của cả Phật giáo và Thiên Chúa giáo lên triết học Hegel chủ yếu dựa trên phương pháp đọc kĩ *Hiện tượng học tinh thần* và phương pháp liên văn bản, liên ngành triết học, văn học và tôn giáo. Đối tượng nghiên cứu của bài báo là khái niệm Tinh thần, cụ thể là hai nội dung Tinh thần nhất thể và Tinh thần đa thể mà bài báo gọi tên là Tinh thần nhằm mắt và Tinh thần mở mắt, thuộc phạm vi nghiên cứu là phần (A) "Ý thức" và (B) "Tự-ý thức" trong *Hiện tượng học tinh thần* của Hegel. Hai phần này là khung xương quan trọng cho phần (C) không tên được triển khai để hoàn tất tác phẩm.

NỘI DUNG CHÍNH

Hiện tượng học tinh thần như là tác phẩm văn học – Tinh thần như là nhân vật văn học

Cơ sở của công việc tiếp cận văn bản triết học *Hiện tượng học Tinh thần* của Hegel như một tác phẩm văn học, mà trong đó khái niệm Tinh thần (Geist) như là nhân vật trung tâm, trước tiên nằm ở điểm chung giữa văn học và triết học khởi phát từ trong quan niệm "văn sử triết bất phân" truyền thống. Chúng ta thường nói rằng nếu văn học kể chuyện thì triết học lập thuyết; tuy nhiên, vẫn có thể nói ngược lại, chẳng hạn *Anh em nhà Karamazov* của Dostoevsky đã lập thuyết còn *Hiện tượng học tinh thần* của Hegel đã kể chuyện. Dostoevsky đã "lập thuyết" về nguyên nhân Smerdyakov giết người và Hegel đã "kể chuyện" về tiến trình trở thành của Tinh thần. Hành vi lập thuyết, hay tạo ra giả thuyết, thực chất là sự phỏng đoán, giả định, tạo nên học thuyết như là sản phẩm hư cấu hay thậm chí là của mộng tưởng. Khi triết gia nói với chúng ta rằng thế giới là thế này, vận động như thế này, triết gia chỉ đang "kể chuyện" thần thoại mà thôi. Diễn giải bản chất chung của triết học và văn học, Hegel đã nhận xét về sự tương đồng của nghệ thuật, tôn giáo và triết học trong tác phẩm *Mỹ học: Bài giảng về nghệ thuật* (Aesthetics: Lectures on Fine Arts): "Ba lĩnh vực của tinh thần tuyệt đối chỉ khác nhau ở dạng thức mà thông qua đó cái Tuyệt đối được đem về với ý thức"[a] ([9], tr. 101).

Cơ sở thứ hai cho thấy tính hợp lý và chính đáng để văn học hóa triết học nằm ở phong cách viết giàu hình tượng của Hegel nói chung và của *Hiện tượng học tinh thần* nói riêng. Khi thử đọc một trích dẫn miêu tả Tinh thần trong *Hiện tượng học tinh thần* của Hegel - "Ánh sáng của nó lụi tàn dần ngay bên trong lòng nó và mất dạng như một làn khói mờ không có hình dáng đang tan biến đi trong khoảng không" ([1], tr. 1284), ta nhận thấy một lối viết đầy chất thơ và mộng tưởng. Nghiên cứu thứ ba trong quyển *Hegel: Ba nghiên cứu* (Hegel: Three Studies) của Theodor Adorno là *Skoteinos, hay Phương pháp đọc Hegel* (Skoteinos, or How to Read Hegel) đã đề xuất cách đọc Hegel như chơi với âm nhạc: "Chơi với những ý tưởng của ông bằng đôi tai suy đoán như thể chúng là những nốt nhạc"[b] ([3], tr. 123). Theo ông, triết học của Hegel là "sản phẩm của trí tưởng tượng hữu hiệu"[c] ([3], tr. 142), duy chỉ khác với bản nhạc thông thường ở chỗ, giống như "Marx sử dụng, trong một ẩn dụ về âm nhạc, là giai điệu vách đá kỳ quặc của Hegel"[d] ([3], tr. 143). Lập luận về âm nhạc của Adorno đã nhấn mạnh thêm tính giàu hình tượng và cảm xúc trong triết học Hegel. Như vậy, học tập từ phương pháp đọc tận dụng nhạc tính trong văn phong Hegel của Adorno, bài báo tận dụng tính văn học sẵn có trong *Hiện tượng học tinh thần* để thử nghiệm đọc Hegel như đọc một tác phẩm văn học và thông qua đó làm cho Tinh thần hiện lên sống động, dễ hiểu.

Có thể nói, tác phẩm "văn học" *Hiện tượng học tinh thần* là tác phẩm viết theo lối dòng ý thức, trong đó, hình dung về tuổi tác, ngoại hình của nhân vật Tinh thần này không dễ dàng xác định được, nhưng tâm tư, tình cảm của nhân vật này thì đồ sộ và chi tiết. Với nhận thức này, bài viết tìm hiểu khái niệm Tinh thần trong triết học Hegel bằng những câu hỏi tương tự dành cho một nhân vật trong văn học: nhân vật Tinh thần đã trải qua những biến cố tâm lý gì, đã thay đổi nhưng đồng thời giữ nguyên bản chất của mình như thế nào? Cần chú ý, luận điểm "Tinh thần như một nhân vật" không phải là luận điểm của Hegel mà chỉ là một cách đọc hiểu mang tính thử nghiệm của tác giả về khái niệm Tinh thần dựa trên lối viết giàu miêu tả hình tượng của Hegel.

Tinh thần đã liên tục đi qua hai giai đoạn nhận thức là nhất thể tự-mình và đa thể cho-mình. Alexandre Kojève đã khẳng định rằng cặp đôi đối ảnh nhất thể và đa thể này là tối quan trọng trong triết học Hegel: "Phép đối lập giữa cái Cá biệt và cái Phổ biến, giữa

[a] The three realms of absolute spirit differ only in the forms in which they bring home to consciousness their object, the Absolute.

[b] Playing his ideas with the speculative ear as though they were musical notes.

[c] The work of the productive imagination.

[d] Marx, in a musical metaphor, called Hegel's grotesque crag melody.

Einzeilheit và Allgemeinheit, là cơ bản với Hegel"[e] ([2], tr. 58). Miêu tả Tinh thần như một nhân vật, Hegel có tên gọi hay hơn cho cặp khái niệm nhất thể và đa thể, hay sâu xa hơn là cặp khái niệm tự-mình và cho-mình, là hình tượng người Cha tự-mình và người Mẹ hiện thực (hay cho-mình) của Tinh thần: "Tinh thần này có một người Mẹ hiện thực nhưng có một người Cha tự-mình [hay mặc nhiên]" ([1], tr. 1435). Cần hiểu hình ảnh người Cha và người Mẹ là phép so sánh hình tượng của Hegel nhằm miêu tả những bước đi tri thức tự-mình và cho-mình của Tinh thần chứ không nhằm trình bày sự hiện diện của người cha và người mẹ ngoại tại với Tinh thần. Tương ứng với tri thức nhất thể tự-mình và đa thể cho-mình, khái niệm Tinh thần được Hegel miêu tả là hiện lên trong cặp đối ảnh hoàn mỹ giữa bóng đêm an tĩnh và ánh sáng rạng rỡ. Nói một cách hình tượng, nơi Tinh thần trú ngụ vừa là căn nhà vô biên tràn ngập ánh sáng, vừa là căn nhà vĩnh hằng êm ả trong bóng đêm.

Tả khái niệm Tinh thần nhất thể, Hegel viết về không gian bên trong hay thế giới nội tại, nơi chốn của bóng đêm an tĩnh, khoảng không thanh tịnh hay dòng sông êm ái huyền đồng. Đêm tối là bầu không của sự quên lãng, là nơi Ý thức xa rời hiện thực tươi mới, nhộn nhịp, xô bồ. Trong không gian ấy, Tinh thần nhất thể được Hegel nhiều lần miêu tả trong trạng thái "chìm" hay "chìm đắm" hoặc bị "nhấn chìm": "Tinh thần bị chìm đắm trong đêm tối của Tự-ý thức của nó" ([1], tr. 1550) "nhấn chìm trong dòng sông Stygis" ([1], tr. 949). Việc làm của Tinh thần nhất thể là tạo nên nhất thể bất phân biệt, là vô thực hóa, vô hình hóa cái biết phân biệt, làm cho chúng trở nên "lụi tàn", "mất dạng" và "tan biến": "Ánh sáng của nó lụi tàn dần ngay bên trong lòng nó và mất dạng như một làn khói mờ không có hình dáng đang tan biến đi trong khoảng không" ([1], tr. 1284). Trạng thái quên lãng, mơ màng của Tinh thần được miêu tả để làm rõ tính vô thực này: Tinh thần "đã uống chiếc cốc của bản thể [đạo đức] tuyệt đối, đã quên hết mọi tính phiến diện của sự tồn tại-cho-mình [tự tồn cô lập] lẫn mọi mục đích và Khái niệm riêng có" ([1], tr. 949). Trong bầu trời đêm tịch mịch, ngưng đọng và bão hòa ấy, Tinh thần nhất thể âm thầm ủ mầm, bảo lưu sự sống náo động chưa thành hình: "Sự hiện hữu bên ngoài đã tiêu biến của nó vẫn được bảo lưu ở trong đêm tối ấy" ([1], tr. 1550).

Thời tính của Tinh thần nhất thể được Hegel miêu tả trong chiều vận động ngược từ hiện tại về quá khứ. Phó từ chỉ hướng "vào", "về" trong các diễn đạt của Hegel về sự "đi vào trong chính mình" ([1], tr. 1550) của Tinh thần nhất thể cho thấy xu hướng đi vào nội tại của Tinh thần, hay, cho thấy nội dung về cái biết yên tĩnh tự-mình của khái niệm Tinh thần. Lúc này, trong dòng thời gian ngược về quá khứ, Tinh thần là cái biết phản tư (Reflexion), hồi ức và nội tâm hóa (Erinnerung). Bàn rộng hơn, các nội dung về sự trở về, hồi quy này của khái niệm Tinh thần chia sẻ nhiều điểm tương đồng với khái niệm "phản phục" trong Đạo giáo.

Tả khái niệm Tinh thần đa thể, Hegel viết về không gian bên ngoài hay thế giới ngoại tại, nơi chốn của ánh sáng ban ngày hiện thực, của màu sắc náo nhiệt, sống động trong các diễn đạt về "sự hiện hữu (Existenz) ngoại tại" ([10], tr. 82) và "lớp vỏ ngoài đầy màu sắc sặc sỡ" ([10], tr. 82) của Tinh thần. Không gian ngoại tại này được Hegel nhấn mạnh thông qua hành động "bước" hay "thẳng bước" đầy chủ động, dấn thân của Tinh thần đa thể, vốn đối lập với hành động "chìm" hay bị "nhấn chìm" của Tinh thần nhất thể: "Chỉ ở trong Tự-ý thức (...) mà ý thức lần đầu tiên mới có được Bước ngoặt, (...) thẳng bước vào ánh sáng ban ngày rạng rỡ Tinh thần của Hiện tại" ([1], tr. 420). Phó từ chỉ hướng "ra", "khỏi", "qua", như trong diễn đạt "ra khỏi đêm tối này của sự xác tín thuần túy về chính mình" ([1], tr. 1364) và "vượt qua bóng đêm trống rỗng của cái Bên kia siêu-cảm tính [của giác tính]" ([1], tr. 420) cho thấy khao khát hướng ra không gian ngoại tại của Tinh thần xét như là nhân vật, hay, cho thấy nội dung về cái biết đầy ham muốn cho-mình của Tinh thần xét như là khái niệm của Hegel. Ngược lại với trạng thái "tan biến", vô thực hóa của cái biết trong Tinh thần nhất thể, Tinh thần đa thể hiện thực hóa cái biết của mình, làm cho nó "xuất hiện" ra rõ ràng, sống động, tường minh: "Ý niệm – trở thành hiện thực (...) nó xuất hiện ra trong sự phong phú vô hạn của những hình thức, hiện tượng và hình thái" ([10], tr. 82). Tinh thần lúc này là cái biết trỗi dậy và giải phóng đầy chủ động: "Trỗi dậy trong một hình thái [mới] được giải phóng khỏi Tự nhiên và khỏi sự hiện hữu trực tiếp của Tinh thần" ([1], tr. 1364). Nó đi ra "từ đêm tối của khả thể sang ban ngày của hiện tại, từ tự-mình trừu tượng sang ý nghĩa của tồn tại hiện thực" ([1], tr. 821). Trạng thái tỉnh thức của đa thể là đối lập với và được hình thành từ sự ngủ im nơi nhất thể: "Điều đang xảy ra cho-mình trong trạng thái sau không gì khác hơn chính là điều đã ngủ im trong trạng thái trước" ([1], tr. 822).

Thời tính của Tinh thần đa thể có chiều vận động tuyến tính từ hiện tại đến tương lai. Trong thời tính ấy, các động từ "trở thành", "phản bội", "biến thành", "đản sinh" cho thấy định hướng đến tương lai đầy hăng hái và nổi loạn của Tinh thần đa thể: "Hình thức này là đêm tối [của Tự-ý thức] trong đó Bản thể [đạo đức] đã bị phản bội (…) và đã biến chính mình

[e]The opposition of Particularity and Universality, of Einzelheit and Allgemeinheit, is fundamental for Hegel.

thành Chủ thể" ([1], tr. 1364). Tinh thần đã đi ra khỏi chiếc kén êm dịu của nhất thể để đản sinh trở thành đa thể: "Khái niệm ấy là bí nhiệm sáng tạo của sự đản sinh ra nó" ([1], tr. 1343). Lúc này, trong thời gian tiến đến tương lai, Tinh thần là khái niệm về cái biết xuất nhượng (Entäußerung), tha hóa (Entfremdung) và ngoại tại hóa (Veräußerung).

Hai nội dung nhất thể yên tĩnh và đa thể sống động trong khái niệm Tinh thần trên đây đã được Hegel khái quát thành hình tượng một Tinh thần vừa say mèm trong đám rước của Thần Rượu Bacchus lại vừa trong suốt, yên tĩnh trong tâm hồn, ẩn mình sau những vận động ồn ào của tính cách đa thể đó. Vận động trái ngược nhau nhưng chứa đựng lẫn nhau của nhất thể và đa thể trong Tinh thần là vận động sống động của Chân lý – đích đến tối thượng của triết học: "[Chân lý] là đám rước cuồng nhiệt Thần Rượu Bacchus, nơi đó không thành viên nào là không say khướt; và bởi vì khi mỗi thành viên tách riêng ra, thì cũng tự ngã gục lập tức, nên đám rước cũng đồng thời là sự yên nghỉ trong suốt và đơn giản [khi mọi thành viên đều lăn quay ra đất]" ([1], tr. 85).

Dựa trên miêu tả giàu hình tượng này của Hegel, ta có thể đi đến sự quy giảm khái niệm Tinh thần thành hình ảnh Tinh thần nhắm mắt và mở mắt. Tính đối xứng trong Tinh thần nhất thể yên tĩnh và Tinh thần đa thể sống động được Hegel diễn đạt trong nhiều cặp từ đối xứng, chẳng hạn cặp khái niệm Ý thức – Tự-ý thức, Bản thể – Chủ thể, sự xác tín – sự thật, cái phổ biến – cái cá biệt, bề sâu – bề rộng; cặp hành vi khẳng định – phủ định và cặp tính chất tự-mình – cho-mình, ngang bằng – không ngang bằng, đồng danh – không đồng danh, thuần túy – hiện thực.

Tinh thần nhắm mắt như là Ý thức và Tinh thần mở mắt như là Tự-ý thức

Tinh thần nhắm mắt, mở mắt và đã thấy những gì? Một bầu không ban đêm yên tĩnh, đó là cái thấy của Tinh thần nhất thể tự-mình. Một ban ngày tràn ngập ánh sáng hiện thực, đó là cái thấy của Tinh thần đa thể cho-mình. Trong *Triết học tự nhiên* (Philosophy of Nature), Hegel tóm tắt về Tinh thần như là nhất thể và đa thể trong các cặp khái niệm cái Toàn bộ - cái Cá biệt và cái Một - cái Nhiều như sau: "Bản tính của nó là, những gì là cái Toàn bộ, là cái Một, thì hoàn toàn ngoại cảnh hóa và ở trong chính mình là cái Nhiều"[f] ([11], tr. 16).

[f] Its nature is such that what is posited as a Whole, as a One, is completely self-external and within itself a Many.

Nhất thể: Tinh thần nhắm mắt – Ý thức khẳng định

Mục (A) "Ý thức" trong tổng cộng ba mục của *Hiện tượng học tinh thần* đã miêu tả người Cha tự-mình dẫn dắt đứa trẻ Tinh thần đi qua cái biết say sưa an tĩnh về thế giới. Lúc này, khái niệm Tinh thần mang nghĩa là Ý thức băn khoăn về câu hỏi "Thế giới là gì?" mà không bận tâm về cái tôi, hay Tự-ý thức nằm sau câu hỏi đó. Nội dung đầu tiên về Tinh thần nhất thể tự-mình này thể hiện sự ảnh hưởng của Phật giáo nói riêng hay Hindu giáo nói chung lên triết học Hegel. Oosterling đã nhận xét màu sắc của Phật giáo trong triết học Hegel nằm ở Tinh thần thiền định, chìm đắm trong chính mình: "Luận bàn của Hegel về Phật giáo được kết tinh trong hình tượng sau: đức Phật thiền định đang tự nuốt lấy chính mình. Hình ảnh này thể hiện tính trực tiếp tuyệt đối, sự tự-mình không phát thành tiếng"[g] ([12], tr. 51). Vậy, mượn hình tượng đức Phật an tĩnh trong cái nhắm hay khép hờ mắt, với nụ cười thanh thản, thư thái trên môi, bài báo gọi Tinh thần tự-mình là Tinh thần nhắm mắt. Bên cạnh đó, bài báo xây dựng hình tượng Tinh thần nhắm mắt dựa trên bình luận của Hegel về Tinh thần mơ ngủ trong Hindu giáo ở tác phẩm *Bài giảng về triết học lịch sử* (Lectures on the Philosophy of History): "Hữu thể Tuyệt đối ở đây hiện lên như là trạng thái xuất thần của tình trạng mơ ngủ"[h] ([13], tr. 146-147).

Chịu ảnh hưởng của triết học phương Đông, bên cạnh Hindu giáo và Phật giáo, khái niệm nhất thể tự-mình trong triết học Hegel đồng điệu với khái niệm Đạo trong Đạo giáo. Miêu tả Đạo như là nhất thể yên tĩnh, Lão Tử viết: "Tuy trống không mà vô tận" ([14], tr. 58), còn Trang Tử viết: "Điềm đạm, tịch mịch, hư vô, vô vị, đó là căn bản của trời đất, bản chất của đạo đức" ([15], tr. 318). Giống như Đạo, Tinh thần nhắm mắt là cái biết vắng lặng, tịch mịch trong bầu trời đêm. Khái niệm Tinh thần nhất thể của Hegel cũng có thể được hình dung dựa trên cơ sở đồng điệu với lý tưởng hài nhi – già lão trong Đạo học. Trong Đạo học thường thấy một phép bằng kỳ lạ giữa hình tượng hài nhi và già lão. Đạo sĩ là người già lão thâm thúy nhưng hành xử như hài nhi. Hài nhi dù non tơ nhưng được Đạo lão ca tụng là có cái biết thâm thúy của già lão. Chẳng hạn, Lão Tử ca ngợi Đạo vừa là con trẻ trong trẻo, vừa là nguồn cội trường tồn: "Nó trong trẻo thay!/ Lại dường như trường tồn!/ Ta không biết Nó là con ai,/ Dường như có trước Thiên đế" ([14], tr. 55). Mượn hình tượng hài nhi và già lão trong Đạo giáo, cái biết

[g] The Hegelian discourse on Buddhism culminates in this image: the meditating Buddha swallowing himself. This image expresses for Hegel absolute immediacy, unarticulated in-itself.

[h] Absolute Being is presented here as in the ecstatic state of a dreaming condition.

của Tinh thần nhất thể có thể được hiểu trong hai bước đi. Đầu tiên, Tinh thần đã thấy cái Toàn bộ dửng dưng hay cái biết của hài nhi yên ngủ. Sau đó, Tinh thần đã có được tri thức về cái Một an tĩnh hay cái biết của già lão thiền định.

Như vậy, trong triết học Hegel, khái niệm Tinh thần nhất thể, hình dung như là Tinh thần nhắm mắt, mang nghĩa là tri thức tự-mình, hài hòa, yên tĩnh, là "tiếng Vâng hòa giải" ([1], tr. 1303). Tiếng Vâng này vừa ngây thơ, thuần túy như hài nhi yên ngủ – tức tình trạng sơ khai, manh nha, tiềm tàng, chưa phát triển; vừa điềm đạm, thấu suốt như già lão thiền định – tức tình trạng thông thái, am tường về toàn bộ cuộc đào luyện và tha hóa đầy gian nan mà Tinh thần đã trải nghiệm và vượt bỏ. Khái niệm Tinh thần nhất thể không chỉ mang nghĩa là cái biết hòa giải, thông thái mà còn mang nghĩa là cái biết đầy nhược điểm do sự quan sát tự-mình dửng dưng, hời hợt và sự suy luận tự-mình nghèo nàn, trừu tượng của nó. Nói một cách hình tượng, khi Tinh thần khép mắt yên tĩnh trong nhận thức thuần túy của mình quá lâu, Tinh thần đã trở nên nghèo nàn và trống rỗng trong cái biết ấu trĩ.

Ý thức quan sát cái Toàn bộ dửng dưng: hài nhi yên ngủ

Sự quan sát của Tinh thần tự-mình lúc này giống như cái nhìn mà không thấy. Thấy nghĩa là nhận thức được sự khu biệt trong đa thể, trong khi nhìn chỉ là hành vi tri giác được cái Toàn bộ không có chút phân biệt nào ở bên trong: "Nó có đối tượng trước mặt mình trong tất cả tính hoàn chỉnh trọn vẹn" ([1], tr. 230). Là hài nhi yên ngủ, Tinh thần chìm trong bóng đêm tự-mình, chưa có hiện thực cho-mình trọn vẹn: "Cũng như đứa bé mới được chào đời, thế giới mới ấy chưa có ngay được hiện thực trọn vẹn" ([1], tr. 21-22).

- Cái Này

Tính thuần túy của Ý thức giống với một đứa trẻ vừa mở mắt nhìn đời, quan sát và nhận biết sự vật như là cái Này đơn giản, dửng dưng. Trong nhận thức an tĩnh của đứa trẻ, chẳng có gì đặc biệt phức tạp về cái Này cả. Đứa trẻ chỉ nhận biết về cái Này trong khẳng định rằng đây là cái cây này, con người này, sự vật này: "Trong sự xác tín này, Ý thức – về phía mình – chỉ như là cái Tôi thuần túy; hay trong đó, cái Tôi chỉ như là Con người này thuần túy, và cũng thế, đối tượng chỉ như là Cái [vật] này thuần túy" ([1], tr. 230). Khi Ý thức thông báo về sự vật trong cái Này và hành vi Chỉ, Ý thức không nói được điều gì ngoài nêu lên được một đối tượng thuần túy và có tính phổ cập, hay, Ý thức nói cái Ở đây cụ thể nhưng thật ra đang nói cái Mọi phổ biến: "Khi tôi nói: cái Ở đây này, cái Bây giờ này hay là cái Ở đây, Bây giờ cá biệt, tức thị tôi nói Mọi cái này, Mọi cái ở đây, Mọi cái bây giờ, Mọi cái cá biệt; cũng vậy, khi tôi nói: Tôi, cái Tôi cá biệt này thì tôi lại nói chung: Mọi cái Tôi" ([1], tr. 239). Khi chỉ toàn nói điều trừu tượng, tri thức của Ý thức nhất thể này là "sự thật trừu tượng nhất và nghèo nàn nhất" ([1], tr. 230).

- Cái Cũng

Khi cái biết của Ý thức cảm tính về "cái Này" bị lung lay trước câu hỏi "Cái Này là cái gì?", Ý thức bèn phải mổ xẻ sự vật ra thành các đặc điểm vật tính đa dạng để trả lời cho câu hỏi trên. Chẳng hạn, hạt muối có vô vàn các vật tính dửng dưng với nhau:

"Hạt muối này là cái Ở đây đơn giản, và đồng thời là đa tạp: nó là trắng, và cũng là mặn, cũng có hình lập phương, lại cũng có trọng lượng riêng và v.v. (…) cái trắng không tác động hay biến đổi cái vuông; cả hai không tác động cái mặn và v.v., (…) nó để mặc các cái khác và chỉ quan hệ với những cái còn lại thông qua một cái Cũng dửng dưng" ([1], tr. 285).

Sự đa dạng của cuộc sống mà tri giác đem lại cho nhận thức của Tinh thần vẫn không thuộc về thế giới đa thể mà chỉ là sự quan sát hài lòng của nhất thể yên tĩnh. Những đặc điểm đa dạng kia đều "tự giải thể đi trong [tính] nhất thể của tri giác" ([1], tr. 328), hay "chính cái Cũng này là bản thân cái phổ biến thuần túy" ([1], tr. 285). Khi ta hỏi Tinh thần về thế giới, nó nói thế giới vừa là cái này vừa là cái kia: "Điều này đúng và điều kia cũng đúng, điều này đúng trong chừng mực này, còn điều kia đúng trong chừng mực kia" ([1], tr. 306). Ý thức nhất thể chỉ biết lời khẳng định chứ không biết lời phủ định, nên Tinh thần hiện giờ chỉ biết nói rằng: "Cái gì cũng đúng". Việc "bám chặt (festhalten) lấy cái 'Cũng' và cái 'Trong chừng mực'" ([1], tr. 307) này của Ý thức – giống như một đứa trẻ chưa chịu đi vào thế giới đa thể hiện thực mà vẫn muốn ở mãi trong nhất thể êm ái của bóng đêm – đã được Hegel gọi là thói ngụy biện của Ý thức: nó "dùng lối ngụy biện: nay khẳng định là cái đúng thật chính cái mà bản thân nó mới trước đó đã khẳng định là không phải cái đúng thật" ([1], tr. 309).

Ý thức suy luận cái Một an tĩnh: g ià lão thiền định

Mục III "Lực và giác tính, hiện tượng và thế giới siêu-cảm tính" trong chương (A) "Ý thức" trình bày Ý thức nhất thể trong hành vi suy luận. Hành vi đúc rút quy luật hay hành vi suy luận, cũng giống như hành vi quan sát, là vô hại, không gây đau đớn đến Tinh thần Ý thức. Tuy nhiên khác ở chỗ, Tinh thần bảo lưu trong đêm tối kinh nghiệm phong phú về đời sống và một sự chiêm nghiệm an tĩnh về cái Một duy nhất ở đây là Tinh thần có trình độ trí tuệ cao hơn Tinh thần hài

nhi yên ngủ trong sự quan sát dửng dưng cái Toàn bộ. Đây là Tinh thần già lão thiền định. Trong trạng thái tinh thần thông thái này, "chúng ta không đánh mất trong sự bất động mới mẻ này, yên vị với đôi mắt nhắm, những điệu nhảy của sự sống đã quên lãng"[i] ([4], tr. 765). Với quyết tâm quy gộp hết tất cả hiện tượng dửng dưng của cái Toàn bộ thành quy luật an tĩnh của cái Một, Tinh thần là Ý thức suy luận muốn xóa bỏ hết những "cái nghe", "cái thấy" nông cạn để đi đến tư tưởng:

"Trong [tiến trình] biện chứng của sự xác tín cảm tính, 'cái nghe' và 'cái thấy' v.v. đều đã tiêu biến đi đối với ý thức, và, với tư cách là 'tri giác', ý thức đã đi đến được 'các tư tưởng' (Gedanken)" ([1], tr. 325).

- Thế giới đảo ngược của hiện tượng

Sự đảo ngược trở thành nhau của các hiện tượng vốn trước kia đối lập và phủ định nhau trong thế giới đa thể đã được Hegel lấy ví dụ như sự đảo ngược của vị ngọt thành vị chua – "cái gì có vị ngọt thì hóa ra đích thực hay ở bên trong là chua" ([1], tr. 371), hay sự đảo ngược từ việc thủ tiêu kẻ khác để bảo tồn chính tôi thành đích đến tự hủy – "việc phục hồi bản thân tôi như là một bản chất bằng việc "thủ tiêu" bản chất xa lạ sẽ đảo ngược thành sự tự-hủy" ([1], tr. 370-371), hay nghịch lý cho rằng sự trừng phạt vốn nhằm mục đích làm nhục và tiêu diệt thì lại đảo ngược thành hiệu quả bảo tồn thân mạng và đem lại vinh dự cho kẻ bị trừng phạt:

"Sự trừng phạt – theo quy luật của thế giới trước – là để làm nhục và tiêu diệt một con người chuyển hóa trong thế giới bị đảo ngược thành sự xá tội, bảo tồn sự sống và mang lại vinh dự cho con người đó" ([1], tr. 371).

Diễn đạt đảo ngược cho rằng "quy luật mới này mới thực diễn tả tiến trình của cái giống nhau trở thành không-giống nhau, và của cái không giống nhau trở thành giống nhau" ([1], tr. 367) của Hegel được sử dụng nhằm để nói lên tính chất bất ngờ mà thế giới đảo ngược đem lại cho Tinh thần khi nó đã đạt được sự "giác ngộ" thấu suốt về thế giới. Đó là niềm hạnh phúc vô biên của Tinh thần khi thấu hiểu được thế giới siêu-cảm tính, một thế giới trước đây nó không thể hiểu và nay thì hiểu được trong thế giới đảo ngược.

- Vương quốc yên tĩnh của quy luật

Tất cả hiện tượng tưởng như đối lập với nhau đã đảo ngược trở thành nhau – vế đầu tiên này là thế giới đảo ngược mà Tinh thần thấu hiểu, sau đó, tất cả các hiện tượng đều tự cho thấy nó chỉ là hình thức khác nhau của cái Một duy nhất nằm ở sâu bên trong – vế thứ hai này là "Vương quốc yên tĩnh của những quy luật" ([1], tr. 355) mà Ý thức đã suy luận được. Cái Một duy nhất này được Tinh thần gọi tên một cách trừu tượng là Lực. Quy luật về Lực mà Ý thức nêu ra có hai nội dung. Thứ nhất, Lực đi ra khỏi chính mình: "Tôi, cái đồng danh (das Gleichnamige), đẩy tôi ra khỏi chính tôi" ([1], tr. 385). Nói cách khác, Tinh thần đa nhất thể trở thành Tinh thần nhất thể, hay Ý thức hóa thành Tự-ý thức: "Ý thức trở thành cho-mình, nó là hành vi phân biệt những gì không phải phân biệt, nói cách khác, Ý thức trở thành Tự-ý thức" ([1], tr. 385). Thứ hai, Lực hút mình vào trong mình: "Lực là bản thân 'cái khác' này, là Lực đã được đẩy ngược lại vào trong chính nó" ([1], tr. 355). Nhờ Lực, Tinh thần "có 'cái khác' của chúng ngay nơi chính mình và đều chỉ là Một nhất thể duy nhất" ([1], tr. 377). Lực đẩy rồi lại hút, rồi lại đẩy, cứ thế đến vô tận. Hai yếu tố luân phiên này của Lực, vừa mới biểu hiện ra lại hút vào trong và sau đó phải biểu hiện ra, được Hegel trình bày như sau: "Lực đã được đẩy hút ngược lại vào trong chính nó sau khi đã biểu hiện ra. Tuy nhiên, [cần hiểu rằng] trước hết, Lực được-đẩy-ngược-lại-vào-trong-chính-nó phải tất yếu tự biểu hiện ra" ([1], tr. 331).

Với sự chiêm nghiệm sâu sắc về quy luật đẩy và hút, Tinh thần là Ý thức suy luận sống hạnh phúc trong vương quốc yên tĩnh. Tuy nhiên, khi quy giảm nhiều hiện tượng thành một quy luật duy nhất, Tinh thần lại mắc phải cái biết nghèo nàn, ấu trĩ. Nhất thể mà Tinh thần đạt được này lại mắc phải chứng bệnh của Ý thức xác tín – đó là sự lặp thừa, trống rỗng, nhàm chán: "Quy luật ngày càng trở nên hời hợt hơn [trừu tượng và nông cạn]" ([1], tr. 356).

Đa thể: Tinh thần mở mắt – Tự-ý thức phủ định

Người Mẹ cho-mình đã dẫn dắt đứa trẻ Tinh thần đi ra không gian hiện thực như thế nào được Hegel trình bày trong phần (B) "Tự-ý thức" của quyển *Hiện tượng học tinh thần*. Ở đây, khái niệm Tinh thần không còn mang nghĩa là Ý thức trả lời cho câu hỏi "Thế giới là gì?", mà đã hóa thành Tự-ý thức trả lời cho câu hỏi "Ta làm gì trong thế giới?". Câu hỏi cho-mình mới xuất hiện này khởi nguồn từ sự nhân đôi của nhất thể yên tĩnh thành cái Tôi và cái khác Tôi, hay Tự-ý thức và cái khác: "Cho Tự-ý thức, có một Tự-ý thức khác; Tự-ý thức đã đi đến chỗ ra khỏi chính bản thân mình" ([1], tr. 435). Điều này đồng nghĩa với khẳng định rằng, với Hegel, "cái khác" không phải là cái khác lạ xa cách hoàn toàn mà là cái khác vốn khởi nguồn từ cái Một, do sự nhân đôi của Tự-ý thức mà thành.

Sự nhân đôi này đem lại tư duy phân biệt về cái ta đúng và kẻ khác sai: "Cái Sai – điều duy nhất được bàn ở đây – được giả định như là cái Khác, như là cái

[i] We cannot lose even in our new stillness, sitting with closed eyes, and the dance of life all forgotten.

phủ định của Bản thể, còn Bản thể – với tư cách là nội dung của cái biết – là cái Đúng" ([1], tr. 74). Nội dung đa thể này của khái niệm Tinh thần phản ánh sức ảnh hưởng của Thiên Chúa giáo lên triết học Hegel. Cái biết tường minh trong ánh sáng chính là cái biết toàn tri của Thiên Chúa về thiện và ác được trình bày trong miêu tả về đôi mắt Chúa ở Kinh Cựu ước, phần Châm ngôn, câu 15:3: "Đôi mắt của Chúa ở muôn nơi, dõi thấy kẻ ác và kẻ thiện"[j] ([16], tr. 826). Hay nói như Žižek, với tư cách là triết gia chịu ảnh hưởng từ Thiên Chúa giáo, Hegel đã tụng ca tính thiết yếu đầy thiêng liêng của Tinh thần tự nhân đôi, phân rã, xuất nhượng thành tồn tại cho-mình: "Với Hegel như là một triết gia Thiên Chúa, vấn đề không phải là 'vượt qua sự phân rã' (…) Sự thiêng liêng không phải là vực rỗng, nơi Nhất thể-bao-chứa-tất-cả nằm sau hàng loạt các hiện tượng; sự thiêng liêng là sức mạnh-phủ định xé rời nhất thể hữu cơ"[k] ([7], tr. 110-111).

Như vậy, Tinh thần đã nhắm rồi mở đôi mắt của mình. Đôi mắt bất phân, khép hờ an tịnh hay đôi mắt tự-mình – xem ta và cái khác là một nhất thể của đức Phật – nay đã đón chào ánh sáng ban ngày tường minh, rạng rỡ của đôi mắt phân biệt, cho-mình của Thiên Chúa. Trong tác phẩm *Bài giảng về triết học lịch sử* (Lectures on the Philosophy of History), Hegel đã miêu tả khái niệm Tinh thần đa thể trong hình ảnh Tinh thần tỉnh giấc để khu biệt với trạng thái mơ ngủ của Tinh thần trong Hindu giáo: "Trong giấc mơ, cá thể ngừng ý thức về bản ngã trong trạng thái tương phản với tồn tại khách quan. Khi tỉnh giấc, tôi tồn tại cho chính mình và tạo hóa còn lại là cái ngoại cảnh, là mục đích cố định vì tôi sống cho chúng"[l] ([13], tr. 147). Thay thế cho cái biết ấu trĩ, nghèo nàn, trống rỗng của Tinh thần nhắm mắt, Tinh thần mở mắt đã cất tiếng nói "Không" – tiếng nói phủ định cái khác để khẳng định cái Tôi Tự-ý thức đầy sống động, hào hùng: "Tiếng nói 'không' phủ định: tiếng nói 'không' của sự đối đầu phấn khởi và hùng dũng với đối thủ, tiếng 'không' của sự tranh đấu nhằm ở sự tự khẳng định, không phải sự tự vượt bỏ"[m] ([7], tr. 199). Đánh đổi niềm hạnh phúc của Ý thức an tĩnh cho cái biết sâu sắc và phong phú, Tinh thần đa thể khẳng định tính thiết yếu phải đau khổ – một luận điểm đặc trưng của Thiên Chúa giáo. Trong khi đức Phật không nhìn thấy tính thiết yếu phải đau khổ mà xem đau khổ là vô minh, cần phải vượt bỏ đau khổ thì Thiên Chúa nhấn mạnh sứ mệnh phải đau khổ để qua đau khổ, hồi sinh với tầm vóc trí tuệ cao hơn: "Và ngài bắt đầu dạy họ rằng, Con người sẽ phải chịu nhiều đau khổ, và bị các trưởng lão, thầy tế lễ, thầy thông giáo chối bỏ, và rồi ba ngày sau sẽ hồi sinh"[n] ([17], tr. 1255).

Nhược điểm của Tinh thần đa thể nằm ở việc hành động cho-mình của Tinh thần đem lại cái biết bảo thủ, định kiến, còn sự suy tưởng cho-mình của Tinh thần đem lại cái biết dị đoan, bất hạnh. Tinh thần đa thể thiếu vắng trí tuệ thông thái, điềm đạm, an tịnh, hiền lành và hạnh phúc trong chính mình của "tiếng Vâng hòa giải" ([1], tr. 1303) nơi Tinh thần nhất thể.

Tự-ý thức hành động cho cái Cá biệt độc lập, tự chủ

Hegel trình bày các việc làm của Tự-ý thức hành động, một nội dung của khái niệm Tinh thần đa thể, trong tiểu mục A "Sự độc lập-tự chủ và không độc lập-tự chủ của Tự-ý thức, làm Chủ và làm Nô". Mục đích của hành động đấu tranh chống lại cái khác, kẻ thù địch, này là để đạt được sự thừa nhận về tính cách độc lập, tự chủ của Tự-ý thức. Nói như Hegel, tiến trình của Tự-ý thức nhìn chung là "tiến trình vận động của Sự Thừa Nhận (Anerkennen)" ([1], tr. 435).

- **Chiến đấu**

Việc làm đầu tiên của Tự-ý thức hành động là đấu tranh chống lại cái khác thù địch:

"Điều này có ý nghĩa nhị bội: thứ nhất, nó đã tự đánh mất mình vì nó tìm thấy bản thân nó như một bản chất khác (ein anderes Wesen); thứ hai, nó đã, qua đó, thủ tiêu cái khác này, bởi nó cũng không nhìn thấy cái khác như là cái bản chất mà nhìn thấy chính bản thân nó ở trong cái khác" ([1], tr. 435).

Kết cục của cuộc chiến đấu mất còn này là kẻ sát nhân thắng trận và kẻ tử trận. Trong cuộc chiến đấu mất còn, không có kết quả dàn hòa.

- **Làm Nô**

Để tránh cái chết, những Tự-ý thức bại trận tự nguyện đầu hàng và khép mình vào vai Nô. Tự-ý thức làm Nô khác với Tự-ý thức chiến đấu ở chỗ nó có nỗi khiếp sợ cái chết, hay, nó "đã trải nghiệm sự kinh sợ (Furcht) trước cái Chết (…) đã tan nát tận đáy lòng, đã run rẩy cả châu thân và tất cả những gì kiên cố trong nội tâm nó đều rạn vỡ" ([1], tr. 450). Chính nỗi khiếp sợ này khiến nó là Tự-ý thức đúng thật nhất, khiến nó nhận thức về số phận của cái tôi dữ dội nhất và có thôi

[j] The eyes of the Lord are in every place, beholding the evil and the good.

[k] For Hegel as a Christian philosopher, the problem is not "how to overcome the split" (…) The divine is not the abyssal, all-encompassing Substance/Unity behind the multitude of appearances; the divine is the negative power tearing apart the organic unity.

[l] In a dream, the individual ceases to be conscious of self as such, in contradistinction from objective existences. When awake, I exist for myself, and the rest of creation is an external, fixed objectivity, as I myself am for it.

[m] From the Nietzschean standpoint, is the affirmative no: the no of the joyous and heroic confrontation with the adversary, the no of struggle which aims at self-assertion, not self-sublation.

[n] And he began to teach them, that the Son of man must suffer many things, and be rejected of the elders, and of the chief priests, and scribes, and be killed, and after three days rise again.

thúc để hành động cho-mình nhất. Trong nỗi khiếp sợ cái chết, nó làm mọi cách để bảo tồn mạng sống của mình, trong đó có mánh khóe lừa lọc của một vai Nô giả vờ cung phụng, hầu hạ vai Chủ. Vai Chủ chỉ là một đối tượng lợi dụng của vai Nô, còn ông chủ thật sự của nó là ham muốn của Tự-ý thức muốn bảo toàn thân mạng mình. Hay, ông chủ đúng thật nhất của vai Nô là cái chết.

Trong hành động lao dịch để phụng sự vai Chủ, vai Nô đã cho thấy sự tự chủ của mình qua khả năng kiểm soát, nhào nặn sự vật tự nhiên để phục vụ cho-mình: "Qua việc phục dịch, nó thủ tiêu trong mọi yếu tố riêng lẻ tính phụ thuộc [và gắn liền] (Anhänglichkeit) của nó đối với cái hiện hữu tự nhiên [sự vật]" ([1], tr. 450). Nó thể hiện tư cách ông chủ đối với các sự vật tự nhiên vô ý thức này. Như vậy, vai Nô tưởng như là lệ thuộc vào vai Chủ đã cho thấy tính độc lập-tự chủ đúng thật. Nói cách khác, "[ý thức làm Nô] sẽ đi vào trong chính mình và tự đảo hóa ngược lại (umkehren) thành sự độc lập-tự chủ chân thực" ([1], tr. 449).

Vai Chủ, ngược lại, không có niềm kinh sợ của một Tự-ý thức rơi khỏi vườn địa đàng và cũng không có động lực phải hành động để tự bảo toàn thân mạng của Tự-ý thức hành động. Vai Chủ sống trong bầu không an tĩnh nhất thể của sự hưởng thụ, lệ thuộc và bị lừa lọc bởi vai Nô. Như vậy, "sự thật của ý thức độc-lập-tự-chủ [của Chủ] chính là ý thức nô lệ [của Nô]" ([1], tr. 447).

Tự-ý thức suy tưởng cho cái Nhiều tự do

Khái niệm Tinh thần như là nhân vật Tinh thần đã tự phân rã chính mình thành các đa thể không chỉ trong hành động mà còn trong sự rút lui khỏi hành động. Ở tiểu mục B "Tự do của Tự-ý thức; thuyết khắc kỷ, thuyết hoài nghi; ý thức bất hạnh", Hegel đã miêu tả Tự-ý thức từ chối hành động và rút lui vào sự suy tưởng cô độc hòng đạt được sự thừa nhận tư cách tự do của mình. Nói như Hegel, sau Tự-ý thức hành động, "một ý thức Suy Tưởng hay nói khác đi, là một Tự-ý thức tự do" ([1], tr. 477) đã ra đời.

Nếu với tư cách của nhất thể, Tinh thần là Ý thức suy luận cái Một an tĩnh; thì với tư cách của đa thể, Tinh thần là Tự-ý thức suy tưởng cái Nhiều tự do. Trong *Khoa học Lôgíc*, Hegel miêu tả cái Nhiều đối xứng với cái Một, được tạo ra từ cái Một: "Chính cái Một (…) là cái tự loại trừ chính mình ra khỏi chính mình và thiết định chính mình như là cái Nhiều" ([18], tr. 347).

- **Khắc kỷ: tính cô lập**

Thế giới trong con mắt của Tinh thần suy tưởng lúc này là thế giới của cái Nhiều – của vô số cá nhân biệt lập, đứt gãy liên kết với nhau. Trong *Khoa học Lôgíc,* Hegel gọi cái Nhiều là những nguyên tử biệt lập: "Triết học của Nguyên tử luận tạo nên một cấp độ cơ bản trong sự phát triển lịch sử của Ý niệm, và nguyên tắc chung của triết học này là [sự] tồn tại-cho-mình trong hình thái của cái Nhiều" ([18], tr. 349). Mỗi cá nhân đều rút lui khỏi tương tác với nhau, không "thèm" chiến đấu mất còn hay làm Chủ, làm Nô của nhau mà chứng minh tính cá nhân của mình trong 'phép thắng lợi tinh thần' – trong sự tự kiêu âm thầm cho riêng mình mà không cần đến sự công nhận của kẻ khác. Đó là Tự-ý thức suy tưởng về "Ý nghĩ riêng ngoan cố" ([1], tr. 480) để chứng minh tính tự do của mình. Dù tồn tại trong bất kì hoàn cảnh nào, Tự-ý thức luôn có tư cách của kẻ ngoại cuộc từ chối tham gia vào diễn biến tranh chấp ồn ào của xã hội. Đó là một Tự-ý thức mà "khi làm Chủ thì không tìm thấy sự thật cho-mình ở trong và thông qua Nô; và khi làm Nô thì không tìm thấy sự thật của mình trong ý chí của Chủ và trong sự phục dịch Chủ" ([1], tr. 480).

Thái độ cô lập cứng đầu và kiêu hãnh này của Tự-ý thức tự do được thể hiện đầu tiên trong thuyết khắc kỷ, một học thuyết tự do của Tự-ý thức: "Trong suy tưởng, Tôi tự do, bởi tôi không phải ở trong một cái khác, mà vẫn ở nơi tôi một cách đơn giản, tuyệt đối" ([1], tr. 478). Hegel cho rằng, vì bản chất của ý thức khắc kỷ vẫn là Tự-ý thức, nghĩa là Tinh thần có sự phân biệt cho-mình và có mục đích ở sự nâng cao chính mình thông qua việc phủ định kẻ khác mình, nên ẩn đằng sau vẻ đức hạnh lạnh lùng của ý thức khắc kỷ là những sinh vật điên cuồng hủy diệt lẫn nhau đúng như tính chất của Tự-ý thức hành động: "Khi được giải phóng khỏi quyền lực phủ định đang kiểm soát nó, là sự hỗn loạn của những lực lượng tinh thần; những lực lượng – một khi không còn bị trói buộc – trở thành những sinh vật sơ đẳng, điên cuồng lao vào hủy diệt lẫn nhau trong sự hoành hành tàn bạo" ([1], tr. 976-977).

- **Hoài nghi: tính mỉa mai**

Thái độ cô lập kiêu hãnh tự bảo toàn đức hạnh của mình nơi ý thức khắc kỷ chưa đủ để nó cho thấy mình tự do hơn tất thảy cái khác mà còn cần đến một tiếng cười mỉa mai trịch thượng, cao ngạo của ý thức hoài nghi. Một mặt, ý thức hoài nghi là ý thức hạnh phúc trong tiếng cười châm biếm: "Nó chỉ ra sự vận động biện chứng, đó là sự Xác tín cảm tính, Tri giác và Giác tính [đều có tính đáng hoài nghi]. Nó cũng chỉ ra tính không-bản chất của những gì được xem là có giá trị như cái được quy định (ein Bestimmtes) ở trong mối quan hệ của làm chủ và làm nô và cả nơi bản thân sự suy tưởng trừu tượng [của ý thức khắc kỷ]" ([1], tr. 485).

Mặt khác, ý thức hoài nghi là ý thức bất hạnh trong sự tự mâu thuẫn. Vì Tinh thần nhân đôi mình thành Tự-ý thức và cái khác nên khi Tự-ý thức phủ định cái

khác, nó cũng phủ định luôn chính mình. Nó cười cợt, nhạo báng cái khác mà không biết rằng nó đang cười cợt, nhạo báng chính mình. Hegel trình bày tính cách mâu thuẫn của ý thức hoài nghi như sau:

"Nó tuyên bố về tính hư vô của cái thấy, cái nghe và v.v. nhưng bản thân nó lại nhìn, nghe v.v; nó tuyên bố về tính hư vô của các nguyên tắc đạo đức và đồng thời để cho hành vi của nó được chính các nguyên tắc này ngự trị. Hành động và lời nói của nó luôn mâu thuẫn nhau; và bản thân nó cũng thế" ([1], tr. 489).

Khi nhận thức về tính mâu thuẫn nội tại này, lần đầu tiên ý thức hoài nghi vốn tự tin, trịch thượng cảm thấy bất an. Ý thức hoài nghi đã dịch chuyển từ hành vi phủ định những Tự-ý thức khác đến chỗ phủ định chính mình. Từ sự hoài nghi kẻ khác, Tinh thần đa thể đã trở nên hoài nghi chính mình và phủ phục đổ sập xuống trở thành Tinh thần bất hạnh: "Ý thức bất hạnh (das unglückliche Bewusstsein) là ý thức về chính mình như là về cái bản chất bị nhân đôi, chỉ [tự] mâu thuẫn [với chính mình]" ([1], tr. 491).

- **Sùng mộ: tính bất hạnh**

Tự-ý thức suy tưởng khởi đầu từ sự tự cô lập chính mình, dấn dồn chân mình vào chỗ hoài nghi bất hạnh, cuối cùng đến lúc này đã đi đến thái độ sùng tín bi thảm về đức tin đã bị tha hóa hay xa lạ hóa. Vì đã cạn cùng sức lực sau những trò chơi cãi bướng, mỉa mai, phủ định, ý thức này không còn lại chút gì để giữ làm điều xác tín, không còn mái nhà nhất thể yên ấm để nương thân: "Khi một ý thức nghĩ rằng nó đã thắng lợi và đạt được sự thống nhất yên bình thì bao giờ cũng bị xua đuổi ngay ra khỏi trạng thái ấy" ([1], tr. 491-492). Trong tình huống đó, ai sẽ cần đến một đức tin thần thánh cứu vớt hơn chính Tinh thần bất hạnh? Tự-ý thức bất hạnh đã hóa thành Tự-ý thức sùng mộ. Ý thức sùng mộ tự xoa dịu mình trong thế giới hiện tại đau khổ bằng hứa hẹn về thế giới bên kia sung sướng.

Thông qua sự tự nhân đôi của Tinh thần, Tự-ý thức đã tạo nên "thế giới đã được thánh hóa (geheiligte Welt)" ([1], tr. 506) xa cách với chính mình – kẻ đơn độc, cô quạnh, bất hạnh đang khao khát thế giới đó. Trong Tự-ý thức sùng mộ xuất hiện sự "xúc cảm một cách đau đớn về sự phân đôi", một nỗi "hoài vọng vô hạn" về "cái 'ở phía bên kia' không vươn đến được, là cái vụt khỏi tay khi [ta] nắm bắt nó, hay đúng hơn, đã bị vụt mất" ([1], tr. 502). Tự-ý thức sùng mộ tưởng như cuối cùng đã đạt được bình yên trong mái nhà đức tin của mình nhưng thực tế, với tính cách của một Tự-ý thức, vẫn là một sự xác tín bị gãy vỡ, vẫn là nội tâm hỗn độn của sự thật: "[Đời sống] bên trong nội tâm nó thật ra vẫn còn [ở trong trạng thái] của sự xác tín bị gãy vỡ về chính mình" ([1], tr. 505).

Tự-ý thức ở cấp độ cao nhất, sau khi trải qua mọi cá tính từ sự liều mạng sống, kinh sợ phục dịch, đến lòng kiêu hãnh tự phụ, đến tiếng cười hài kịch trịch thượng, còn lại là không gì khác ngoài Tinh thần bất hạnh, đau đớn và tuyệt vọng, không thể than vãn trước một hiện thực bị tha hóa đến thái cực thành cái bên này đau thương và cái bên kia thần thánh không thể với tới. Tự-ý thức có ước mơ tìm về mái nhà an tĩnh nhưng đồng thời nhận thức rằng ước mơ này là không thỏa nguyện được: "Niềm hy vọng trở thành một với nó [với cái "bên kia" bất biến mang hình thái cá biệt] vẫn mãi mãi là một niềm hy vọng, nghĩa là không thể được thỏa ứng, không có kết quả hiện tiền" ([1], tr. 497). Lòng tin vào cái Bên kia này được Hegel đánh giá là mê tín và lừa mị, thiếu tính chân lý của Tinh thần nhất thể an yên trong chính mình:

"Tư duy của nó như là sự sùng mộ không gì hơn là những tiếng chuông ngân loạn xạ, hay một vầng hương trầm ấm áp [nhưng] mù mịt, một lối "tư duy" theo kiểu âm nhạc không đạt đến được độ cao của Khái niệm" ([1], tr. 501).

Cần chú ý tính thiết yếu ngang nhau của hai nội dung về Tinh thần nhất thể và Tinh thần đa thể trong triết học Hegel. Bức tượng Phật Thích-ca thiền định và bức tượng Chúa Jesus Christ đóng đinh – hai lý tưởng thờ phụng niềm an tịnh và nỗi đau đớn này tưởng như đối lập nhau nhưng thực chất, trong triết học Hegel, là thiết yếu ngang nhau, có khả năng chuyển hóa thành nhau và là bước đệm cho sự tồn tại của nhau. Cái nhược của Tinh thần này cần đến cái ưu của Tinh thần kia. Tinh thần nhắm mắt đã thụ hưởng niềm hạnh phúc thông tuệ, còn Tinh thần mở mắt đã chịu đựng những màn kịch tối và nỗi bất hạnh. Niềm hạnh phúc của Tinh thần nhắm mắt làm nó nhàm chán, trống rỗng trong cái biết và khiến phát ngôn của nó là lời lặp thừa. Nỗi bất hạnh của Tinh thần mở mắt làm cho nó thông minh và đầy dũng cảm đi vào thế giới thù địch, đau thương, đem về được tri thức sâu sắc hơn cho Tinh thần, nhưng cũng khiến nó hung hăng, vụn vặt những trò cãi bướng. Đây chính là nội dung cơ bản của phép biện chứng trong triết học Hegel.

Luận điểm biện chứng của Hegel về tính thiết yếu ngang nhau của hai trạng thái Tinh thần này đôi khi bị quên lãng trong các tác phẩm diễn dịch triết học Hegel. Tác phẩm *Hegel* của Frederick Beiser dựa trên tiểu luận thần học *Tình yêu* (Love) thời trẻ của Hegel để đánh giá sự xuất nhượng hay tha hóa là mối đe dọa với Tinh thần, trong khi sự thu hồi và hòa giải là mục đích thiết yếu phải đạt được của Tinh thần: "Mục đích của nó là vượt qua những sự phân rã này để đạt đến nhất thể, để nó có thể lần nữa 'an yên trong căn nhà thế giới' (in die Welt zu Hause)"[o] ([5], tr. 37). Nghĩa

[o]Its goal is to overcome these divisions and achieve unity, so that it is again "at home in the world" (in die Welt zu Hause).

là, ông đã quy giảm lý tưởng về Tinh thần của Hegel thành "một cụm từ duy nhất (...): nhất thể của sự sống (Einheit des Leben)"[p] ([5], tr. 37).

Ngược lại, Alexandre Kojève lại thiên vị Tinh thần đa thể. Ngay ở phần mở đầu tác phẩm *Dẫn nhập vào việc đọc Hegel* (Introduction to The Reading of Hegel), ông đã tôn vinh Tự-ý thức đa thể náo nhiệt, ồn ào, sống động, giàu ham muốn và liều mạng sống trong câu khẳng định: "Con người là Tự-ý thức"[q] ([2], tr. 3). Cùng diễn dịch lại tiểu luận thần học *Tình yêu* (Love) thời trẻ của Hegel nhưng Kojève hiểu khái niệm tình yêu theo hướng đối nghịch. Tình yêu không phải là lòng hiền lành hòa giải của Tinh thần nhắm mắt tự-mình mà là lòng ham muốn cồn cào của Tinh thần mở mắt cho-mình: "Tình yêu và khát vọng yêu đã trở thành Ham muốn được thừa nhận và cuộc Chiến đấu đến chết"[r], "Sự Thừa nhận lẫn nhau trong Tình yêu đã trở thành sự Thừa nhận xã hội và chính trị thông qua Hành động"[s] ([2], tr. 243).

Như vậy, nếu diễn dịch của Beiser bay bổng những mộng tưởng lãng mạn về tình yêu thương trong "thần học" Hegel, thì diễn dịch của Kojève đậm mùi "hiện sinh học" (hay triết học hiện sinh) Hegel, nơi khái niệm Tinh thần bị kéo xuống thành hàm nghĩa về cá thể đấu tranh cho sự được thừa nhận của chính mình. Có thể nói, diễn dịch của Beiser và Kojève đã bổ sung cho nhau để nói lên được trọn vẹn luận điểm biện chứng của Hegel về sự thiết yếu ngang nhau của nội dung nhất thể và đa thể trong khái niệm Tinh thần.

KẾT LUẬN

Bài viết đã đề xuất cách đọc tác phẩm triết học *Hiện tượng học tinh thần* như là tác phẩm văn học và khái niệm Tinh thần như là nhân vật văn học trên cơ sở về điểm chung giữa văn học và triết học, và lối viết giàu tính văn học của Hegel. Thông qua cách đọc này, bài viết trình bày một tổng thuật vắn tắt và trung thành, đúng theo tinh thần biện chứng, về khái niệm Tinh thần trong quyển *Hiện tượng học tinh thần* của Hegel. Trong đó, cặp đối ảnh Tinh thần nhắm và mở mắt được xây dựng dựa trên biểu tượng đức Phật và Thiên Chúa mang lại hình dạng sống động cho khái niệm Tinh thần nhất thể tự-mình và đa thể cho-mình của Hegel. Nếu khái niệm Tinh thần nhất thể chỉ cái biết dung hợp, hài hòa như ban đêm thì khái niệm Tinh thần đa thể chỉ cái biết phân minh, khu biệt như ban ngày. Khái niệm Tinh thần, hiểu như là hai cái biết luân phiên, vừa thúc đẩy Tự-ý thức tha hóa, xuất nhượng ra ánh sáng phân biệt hỗn loạn và xung đột, vừa kêu gọi Ý thức thu hồi, phản tư về với bóng đêm yên tĩnh và hòa giải.

Tri thức phong phú này về khái niệm Tinh thần góp phần giúp định hình lẽ sống cho con người hiện đại. Nhận biết mình là tế bào trong cơ thể Tinh thần khổng lồ, mỗi cá nhân thấy sẵn sàng dấn thân vào thế giới với tư cách là Tự-ý thức phủ định đầy chống đối, thù nghịch và nổi loạn đồng thời với tư cách là Ý thức hòa giải hiền lành, thông thái và an tĩnh; hay, sẵn sàng làm cho triệt để cả hai công việc của "Tự-ý thức phủ định" cất tiếng nói Không và "Ý thức khẳng định" cất tiếng nói Vâng để tìm về được với người Cha tự-mình và người Mẹ hiện thực và đi đến được căn nhà bao la của Tinh thần.

[p] We can formulate the highest good of Hegel and the young romantic generation in a single phrase, one they would often use and constantly imply: unity of life (Einheit des Lebens).

[q] Man is Self-Consciousness.

[r] Love and the desire for love have become Desire for recognition and Fighting to the death.

[s] Mutual Recognition in Love has become social and political Recognition through Action.

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin chân thành cảm ơn TS. Nguyễn Ngọc Bảo Trâm - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh - đã góp ý và định hướng sửa chữa giúp tôi hoàn thiện bài báo này.

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bài báo này không có xung đột lợi ích.

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Tác giả xác minh mình là người duy nhất thực hiện các công việc nghiên cứu để hoàn thành bài báo với đề tài *"Tinh thần nhắm và mở mắt" – một thử nghiệm đọc khái niệm Tinh thần trong Hiện tượng học tinh thần của Hegel.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hegel GWF. Hiện tượng học tinh thần (Phänomenologie des Geistes) (Bùi Văn Nam Sơn dịch và chú giải). Hà Nội: Văn học; 2006;.
2. Kojève A. Introduction to the reading of Hegel, Lectures on the Phenomenology of Spirit. Ithaca and London: Cornell University Press; 1969;.
3. Adorno TW. Hegel: Three Studies. London: The MIT Press, Cambridge; 1993;.
4. Harris HS. Hegel's Ladder II: The odyssey of spirit. Indianapolis: Hackett Publishing Company, Inc.; 1997;.
5. Beiser FC. Hegel. New York: Routledge; 2005;.
6. Pinkard T. Hegel's Phenomenology: The Sociality of Reason. New York: Cambridge University; 1994;.
7. Žižek S. Less than nothing: Hegel and the shadow of dialectical materialism. London, New York: Verso; 2012;Available from: https://doi.org/10.1017/hgl.2015.11.
8. Liem HNH. Re-visioning The End of History (Doctoral dissertation). San Francisco, CA: California Institute of Integral Studies; 2015;.
9. Hegel GWF. Aesthetics: Lectures on Fine Art. Volume I (Translated by T.M.Knox). New York: Oxford Universtity Press; 1975;.

10. Hegel GWF. Các nguyên lý triết học pháp quyền hay Đại cương pháp quyền tự nhiên và khoa học về nhà nước (Grundlinien der Philosophie des Rechts oder Naturrecht und Staatswissenschaft im Grundrisse) (Bùi Văn Nam Sơn dịch và chú giải). Hà Nội: Tri thức; 2010;.
11. Hegel GWF. Encyclopedia of the Philosophical Sciences Part Two, Philosophy of Nature (translated by A. V. Miller). Oxford: Clarendon Press; 1970;.
12. Oosterling H. Avoiding nihilism by Affirming nothing: Hegel on Buddhism. In: Hegel's Philosophy of the Historical Religion. Leiden, Boston: Brill; 2012;Available from: https://doi.org/10.1163/9789004228153_005.
13. Hegel GWF. Lectures on the Philosophy of History (Translated by J. Sibree, M.A.). London: G. Bell and Sons, LTD; 1914;.
14. Lão Tử. Đạo Đức Kinh (Thu Giang, Nguyễn Duy Cần dịch và bình chú). Hồ Chí Minh: Trẻ; 2023;.
15. Trang Tử. Nam Hoa Kinh (Nguyễn Hiến Lê giới thiệu và chú dịch). Hồ Chí Minh: Văn hóa - Thông tin; 1994;.
16. The Old Testament. Salt Lake city: The Church of Jesus Christ of Latter-day Saints; 1979;.
17. The New Testament. Salt Lake city: The Church of Jesus Christ of Latter-day Saints; 1979;.
18. Hegel GWF. Bách khoa thư các khoa học triết học I, Khoa học Lôgíc (Logik der Enzyklopädie) (Bùi Văn Nam Sơn dịch và chú giải). Hà Nội: Tri thức; 2008;.

Science & Technology Development Journal – Social Sciences & Humanities 2024, 8(4):2714-2725

Open Access Full Text Article

Research Article

"Spirit closes and opens its eyes" - an experimental reading of Hegel's Concept of Spirit in *The phenomenology of Spirit*

Nguyen Nho Minh Uyen*

ABSTRACT

Hegel's philosophy is well-known for its lengthy, abstract, and complex intertwined expressions. This paper proposes an experimental reading of Hegel's concept of Spirit through imagination to identify Spirit as a character in a "literary" work named *The Phenomenology of Spirit*. In this work, the images of Spirit lying in the darkness of night and Spirit stepping into the full-of-daylight reality are described many times by Hegel. This article borrows the symbolic sculpture of a closing-eyes Gautama Buddha in peaceful contemplation and an opening-eyes Jesus Christ in willful determination, which iconically represent the two distinguished religious teachings: the teaching of contentment and liberation from suffering in Buddhism and the teaching of sacrifice and endurance of suffering in Christianity, based on their influences on Hegel's philosophy. The use of those symbolic images is to, and at the same time of the awareness of Hegel's imaginative and expressive style, call out the symmetrical phases of Spirit closing and opening its eyes. In the continuous realm of eyes opening and closing, Spirit gains several understandings about the deep night and the daylight - or in Hegel's words, about in-itself unity and for-itself opposites, respectively in part (A) "Consciousness" and part (B) "Self-Consciousness" of *The Phenomenology of Spirit*.

Key words: Hegel, The Phenomenology of Spirit, consciousness, self-consciousness, Spirit closes and opens its eyes

Student, Faculty of Literature, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Correspondence

Nguyen Nho Minh Uyen, Student, Faculty of Literature, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Email: nguyennhominhuyen@gmail.com

History

- Received: 27/3/2024
- Revised: 19/11/2024
- Accepted: 30/12/2024
- Published Online: 31/12/2024

DOI : https://doi.org/10.32508/stdjssh.v8i4.1002

Check for updates

Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

VNUHCM PRESS

Cite this article : Uyen N N M. **"Spirit closes and opens its eyes" - an experimental reading of Hegel's Concept of Spirit in *The phenomenology of Spirit***. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2024, 8(4):2714-2725.